

Số: 23/2026/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26/12/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 1513/2025/TLST-DS ngày 14/11/2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M
Mã số doanh nghiệp: 031113XXXX

Địa chỉ: 91 P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Đ

Địa chỉ: 23 L, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Đ: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 2002

(Theo Hợp đồng ủy quyền số 09/2024/GUQ-MAFC ngày 02/5/2025 giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M và Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Đ và Giấy ủy quyền số 248/GUQ-2025 ngày 01/10/2025 giữa Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Đ và bà Trần Thị Thu T).

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Kim D, sinh năm 1976

Căn cước công dân số: XXXXXXXXXXXXX

Địa chỉ: S, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Phường L, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Lê Thị Kim D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M tổng số tiền 33.586.169 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi chín đồng), bao gồm: nợ gốc là 20.157.063 đồng (hai mươi triệu một trăm năm mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi ba đồng), lãi phát sinh trong hạn là 10.697.684 đồng (mười triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng), lãi trên nợ gốc bị quá hạn là 2.134.967 đồng (hai triệu một trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng), lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán là 596.455 đồng (năm trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng), tạm tính đến ngày 26/12/2025, theo bản Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 5698269 ngày 25/7/2024 giữa Bà Lê Thị Kim D và Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M.

Kể từ ngày 27/12/2025 cho đến khi thi hành án xong, Bà Lê Thị Kim D còn phải thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo bản Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 5698269 ngày 25/7/2024 giữa Bà Lê Thị Kim D và Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị Kim D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 839.654 đồng (tám trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi bốn đồng).

Trả lại cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 731.000 đồng (bảy trăm ba mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030244 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV5-TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN

Phạm Lê Ninh